

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV**

Số: 4492/DNA-CĐVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 12 năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ Sửa  
chữa, bảo dưỡng tủ điều khiển động  
cơ 6,3kV B-01DG1S002j,k

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch Sửa chữa, bảo dưỡng tủ điều khiển động cơ 6,3kV B-01DG1S002j,k thuộc Phân xưởng Trạm mạng. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 25 / 12 /2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

**Lưu ý:** Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như phụ lục kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Tiến Dũng**

**Phụ lục: Danh mục vật tư phục vụ Sửa chữa, bảo dưỡng tủ điều khiển động cơ 6,3kV B-01DGS002j,k thuộc  
Phân xưởng Trạm mạng**

| STT | Tên vật tư             | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đối tượng/vị trí sử dụng                                                                 | ĐVT | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|---------|
| 1   | Biến dòng thứ tự không | Tỷ số biến dòng: 50/1A, Cấp bảo vệ: 10P10, model tham khảo: LXX-120                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sửa chữa, bảo dưỡng tủ điều khiển động cơ 6,3kV B-01DGS002j,k thuộc Phân xưởng Trạm mạng | Cái | 2          |         |
| 2   | Biến dòng              | Điện áp định mức 7,2kV, Tỷ số biến dòng 150/5A(Có thể sử dụng nhiều tỉ số khác nhau), Cấp chính xác đo lường: 0.5, Cấp bảo vệ: 10P10, model tham khảo: ZZBJ9-7,2 150/5 0.5/10P10                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                          | Cái | 6          |         |
| 3   | Bo mạch điều khiển     | Điện áp điều khiển 55V, Công truyền thông Modbus RTU, Đầu vào số: 6DI (Có thể lập trình), Đầu ra số: 4DO, Đầu ra Analog: 2AO (4-20mA), Chức năng: Kết nối cáp quang với bo mạch trên khối công suất, điều khiển đóng cắt contactor bypass, điều khiển góc mở, truyền thông đưa tín hiệu phản hồi ra đầu ra tiếp điểm khô. Bảo vệ trong quá trình khởi động động cơ, model tham khảo: NHSS control VI.01 |                                                                                          | Cái | 2          |         |
| 4   | Bo mạch phát xung      | Nguồn cấp: 24VDC, kết nối sợi quang với bo mạch điều khiển trung tâm, Chức năng chính: Chính lưu chuyển đổi dòng điện xoay chiều sang một chiều, model tham khảo: CC-1/V2.01                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                          | Cái | 6          |         |
| 5   | Bộ nguồn               | điện áp đầu vào: 220VAC, điện áp đầu ra: 24VDC/10A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                          | Cái | 2          |         |
| 6   | Bộ nguồn               | điện áp đầu vào: 220VAC, điện áp đầu ra: 55VDC/10A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                          | Cái | 2          |         |
| 7   | Cầu chì                | XRNP-7.2-0.5 (3 cái/bộ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                          | Bộ  | 2          |         |
| 8   | Chống sét van          | TBP-A-7,6/24kV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                          | Cái | 2          |         |
| 9   | Công tắc chuyển mạch   | loại 3 vị trí, 3NO, Ø22, tự giữ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                          | Cái | 2          |         |
| 10  | Công tắc tơ trung thế  | điện áp định mức 7,2kV, Dòng điện định mức 400A, điện áp cuộn hút 220VAC, model tham                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                          | Cái | 4          |         |



| STT | Tên vật tư          | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm                                                                                                                                                                             | Đối tượng/vị trí sử dụng | ĐVT | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|------------|---------|
|     |                     | khảo: JCZ5-7,2/400A                                                                                                                                                                                              |                          |     |            |         |
| 11  | Đèn báo             | màu đỏ, nguồn cấp: 220 VAC, Ø22                                                                                                                                                                                  |                          | Cái | 4          |         |
| 12  | Đèn báo             | màu vàng, nguồn cấp: 220 VAC, Ø22                                                                                                                                                                                |                          | Cái | 2          |         |
| 13  | Đèn báo             | màu xanh, nguồn cấp: 220 VAC, Ø22                                                                                                                                                                                |                          | Cái | 2          |         |
| 14  | Màn hình điều khiển | Kích thước: 7 inch, Độ phân giải: 800×480, Phương thức giao tiếp: RS232, RS485, LAN (Ethernet), USB, Nguồn cấp 24VDC, bao gồm phần mềm hiển thị và cài đặt tham số cho khởi động mềm, model tham khảo: SXGQH-TPC |                          | Cái | 2          |         |
| 15  | Máy biến điện áp    | Công suất: 100VA, điện áp đầu vào 6300VAC, điện áp đầu ra: 100VAC, công suất: 100VA, model tham khảo: PT6300/100                                                                                                 |                          | Cái | 2          |         |
| 16  | MCB                 | 2P, 10A                                                                                                                                                                                                          |                          | Cái | 4          |         |
| 17  | MCB                 | 2P, 16A                                                                                                                                                                                                          |                          | Cái | 6          |         |
| 18  | MCB                 | 3P, 32A                                                                                                                                                                                                          |                          | Cái | 2          |         |
| 19  | MCB                 | 3P, 3A                                                                                                                                                                                                           |                          | Cái | 2          |         |
| 20  | Mô đun công suất    | Dòng điện định mức 300A, Điện áp chịu được: 6500V, Dòng điện kích hoạt: 150mA, Điện áp kích hoạt: 3VDC, Tần số hoạt động: 50-60Hz, để tản nhiệt, model tham khảo: KP300A6500                                     |                          | Bộ  | 6          |         |
| 21  | Nút nhấn            | 1NC+1NO, Ø22, màu xanh                                                                                                                                                                                           |                          | Cái | 2          |         |
| 22  | Rơ le bảo vệ        | Loại bảo vệ động cơ, nguồn cấp: 110-230 V AC/DC, 50/60 Hz, chức năng bảo vệ chính: 50/51, 50N/51N, 50G/51G, 27, 50BF, 48/51LR..., giao thức truyền thông : modbus (model tham khảo: P3U30-6AAA1BBAA              |                          | Cái | 2          |         |
| 23  | Rơ le trung gian    | 4NC+NO; điện áp cuộn hút: 220VAC, bao gồm chân để                                                                                                                                                                |                          | Cái | 10         |         |
| 24  | Vỏ tủ điện          | Vỏ tủ thép sơn tĩnh điện, Kích thước: 1500x2400x1000x2mm                                                                                                                                                         |                          | Cái | 2          |         |



**Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá**

| SIT | Tên vật tư            | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm | Nhà sản xuất | Xuất xứ | Thời gian bảo hành | Thời gian, tiến độ cung cấp | Giấy tờ kèm theo | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------|--------------|---------|--------------------|-----------------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| (1) | (2)                   | (3)                                  | (4)          | (5)     | (6)                | (7)                         | (8)              | (9)         | (10)     | (11)    | (12)       | (13)    |
| 1   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 2   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 3   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Tổng cộng trước thuế: |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Thuế GTGT:            |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Tổng cộng sau thuế:   |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Bảng chữ:.....        |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |

*Yêu cầu khác:* Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày.

